TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **314**/2024/HS-ST
Ngày: 07/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đoàn Văn Minh;

- Ông Vương Đình Quang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trần Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 272/2024/HSST ngày 23/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2024/QĐXXST-HS ngày 28/10/2024, đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Thị S; Sinh năm: 1988;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký HKTT: 93, phường T, quận H, thành phố H ; Địa chỉ nơi ở trước khi bị bắt: Số 093, Vi, phường M, quận, thành phố H; Nghề nghiệp: Giáo viên; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Ngô Thành X; Con bà: Lê Thị Q; Gia đình Bị cáo có 03 anh em, Bị cáo là con thứ 2; Chồng: Nguyễn Ngọc Lương *(Đã ly hôn);* Bị cáo có 02 con *(Con lớn sinh năm 2012; Con nhỏ sinh năm 2015);* Trích lục tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội; *(Có mặt tại phiên tòa)*

Bị hại: Anh Nguyễn Việt Đ; Sinh năm:1979; HKTT và nơi ở: Số 4, tổ 9B L, phường G, quận B, thành phố H; *(Có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngô Thị S và anh Nguyễn Việt Đ quen biết với nhau từ đầu năm 2023 do S bán Cafe đối diện với cửa hàng kinh doanh của anh Đ tại đường T, quận C, thành phố Hà Nội. Quá trình quen biết, S và anh Đ đã phát sinh tình cảm với nhau. Khoảng đầu tháng 5/2024, do S nợ nần nhiều nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Đ để lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Khoảng 8 giờ 42 phút ngày 11/5/2024, Ngô Thị S đã gọi điện cho anh Đ từ số thuê bao 0343396666 gắn trên điện thoại Iphone 12 Promax màu đen của Sinh nói dối là mẹ đẻ của S vừa bán nhà được 5 tỷ đồng nhưng sẽ mang gửi tiết kiệm và S muốn mẹ cho tiền để đầu tư kinh doanh nên S nhờ anh Đ chuyển khoản 500.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng)* vào tài khoản của S để S chụp lại hình ảnh giao dịch nhận tiền. Sau đó, S gửi ảnh cho mẹ Sinh xem và sẽ nói đã trót lấy tiền của nhà trường nơi S làm việc để đầu tư và đã phải vay lãi ngày 500.000.000 đồng để trả nợ, rồi xin mẹ cho tiền để S trả nợ. Sinh hứa hẹn với anh Đ sau khi anh Đ chuyển tiền, S chụp ảnh lại giao dịch nhận tiền cho mẹ xem rồi sẽ chuyển trả lại cho anh Đ ngay, mục đích để anh Đ chuyển tiền sau đó S sẽ chiếm đoạt tiền của anh Đ. Do có tình cảm và tin tưởng những điều S nói là sự thật nên anh Đ đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, S và anh Đ gặp nhau tại phòng 709 khách sạn A đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội và bảo anh Đ chuyển tiền vào tài khoản số 100869356460 của S tại Ngân hàng TMCP C (V). Khoảng 15 giờ 06 phút cùng ngày, anh Đ đã sử dụng tài khoản số 794587 của anh Đ tại Ngân hàng TMCP Á (A1) chuyển số tiền 500.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng)* đến số tài khoản số 100869356460 của S1 tại V, nhưng do định mức giới hạn tài khoản nên anh Đ chỉ chuyển được 499.999.999 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng)* vào tài khoản số 100869356460 của S1 tại V với nội dung "CHO SINH VAY TIEN". Sau khi thấy S nhận được tiền, anh Đ yêu cầu S chuyển trả lại số tiền trên nhưng S nói để quên máy điện thoại nhận mã OTP của V ở nhà nên nhờ anh Đ chở S về tòa W3 Vinhome Westpoint, P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội để lấy điện thoại chuyển khoản lại *(thực tế, S vẫn đang sử dụng chiếc điện thoại Iphone 12 Promax màu đen gắn số thuê bao 0343396666 đăng ký nhận mã OTP tài khoản Ngân hàng S1 vừa nhận tiền của anh Đ).* Sau khi anh Đ đưa S về đến sảnh toà nhà W3, S bảo anh Đăng chờ ở dưới để S đi lên nhà lấy điện thoại chuyển tiền trả cho anh Đ nhưng sau khi lên căn hộ 0901 nơi

S thuê ở nhưng S không chuyển trả tiền cho anh Đ và cũng không nghe điện thoại của anh Đ khi anh Đ gọi điện, nhắn tin yêu cầu S trả tiền. Anh Đăng đợi khoảng 1 tiếng, do không gọi được cho S và cũng không biết số phòng của S ở nên đã đi về. Sinh sau khi chiếm đoạt được tiền đã tự chuyển khoản 400.000.000 đồng từ tài khoản số 100869356460 của S1 tại V đến tài khoản số 343396666 của Sinh tại A1. Đến khoảng 17 giờ 53 phút cùng ngày, S đến cửa hàng V1 tại số A đường C, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội và chuyển 400.000.000 đồng vào tài khoản số 106864508999 tại V của chị Vũ Thị Thúy A *(Sinh năm: 1990; HKTT: B, T, Hà Nội, là nhân viên cửa hàng)* và nhờ chị Thúy A đổi thành tiền mặt. Chị Thúy A đồng ý và đã giao 400.000.000 đồng tiền mặt cho S. Sau khi nhận được tiền, S đã sử dụng số tiền này và số tiền chiếm đoạt được của anh Đ còn lại trong tài khoản để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Anh Đ sau đó đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện yêu cần Sinh trả tiền nhưng S đưa ra nhiều lý do để trì hoãn, tránh mặt và không trả tiền cho anh Đ nên ngày 27/5/2024, anh Đ đã đến Công an quận N trình báo sự việc. Cùng ngày 27/5/2024, Ngô Thị S đã đến Công an quận N đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, S đã khai nhận hành vi phạm tội của S như đã nêu trên.

Vật chứng tạm giữ của Ngô Thị S**:** 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 màu đen gắn sim 0343396666; Anh Nguyễn Việt Đ giao nộp: 01 USB chứa File ghi âm cuộc gọi thoại giữa Ngô Thị S với anh Nguyễn Việt Đ có thời lượng 4 phút 06 giây, dung lượng 3284KB;

Đối với USB chứa đoạn ghi âm anh Đ giao nộp có thời lượng 4 phút 06 giây, dung lượng 3284KB, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định âm thanh, giọng nói, so sánh với mẫu giọng nói của Ngô Thị S.

Tại Kết luận giám định số: 5692/KL-KTHS ngày 24/9/2024 của V2 - Bộ C1 kết luận:

"- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép chỉnh sửa nội dung trong file âm thanh mẫu cần giám định;

- Tiếng nói của người phụ nữ xưng là "em" trong file ghi âm mẫu cần giám định với tiếng nói của Ngô Thị S trong mẫu so sánh là cùng một người;

- Nội dung hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản được chuyển thành văn bản.

Kèm theo Kết luận giám định gồm: 01 (Một) bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 03 (Ba) trang khổ A4."

Đối với chị Vũ Thị Thúy A, quá trình điều tra xác định do chị Thúy A không biết số tiền 400.000.000 đồng mà S chuyển vào tài khoản để nhờ chị

Thúy A đổi thành tiền mặt là tiền do S phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Việt Đ yêu cầu Ngô Thị S hoàn trả anh Đ số tiền 499.999.999 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng) S* đã chiếm đoạt của anh Đ.

Tại Cáo trạng số: 268/CT-VKSNTL ngày 21/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố Bị cáo Ngô Thị S về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

*"**Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;"

Tại phiên tòa: Bị cáo Ngô Thị S thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của Bị cáo, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo được sớm về với gia đình.

Luận tội của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Ngô Thị S như sau: Bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội Bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo Ngô Thị S về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38

của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo Sinh từ 11 đến 12 năm tù; Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn, hiện đang nuôi 02 con nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Việt Đ là Bị hại yêu cầu Bị cáo S bồi thường số tiền Bị cáo chiếm đoạt của anh Đ là: 499.999.999 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng),* đề nghị Hội đồng xét xử buộc Bị cáo S phải bồi thường cho anh Đ số tiền trên; Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước công cụ phạm tội của Bị cáo S: 01 điện thoại Iphone 12 màu đen có gắn sim đã qua sử dụng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, có đủ cơ sở để xác định: Ngày 11/5/2024, Ngô Thị S có mục đích chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Việt Đ nên đã đưa ra thông tin gian dối để anh Đ tin tưởng chuyển tiền vào tài khoản của S tại Ngân hàng TMCP C để Sinh chụp ảnh màn hình sau đó sẽ chuyển trả lại cho anh Đ ngay. Do tin tưởng là thật nên vào khoảng 15 giờ ngày 11/5/2024, tại phòng 709 khách sạn A đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, anh Nguyễn Việt Đ đã chuyển số tiền 499.999.999 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng)* từ tài khoản của mình vào tài khoản số 100869356460 của S tại Ngân hàng TMCP C, sau đó S đã chiếm đoạt để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo S đã khai nhận tội. Hậu quả chưa khắc phục. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Việt Đ yêu cầu S phải bồi thường cho anh Đ số tiền: 499.999.999 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng);*

Hành vi nêu trên của Bị cáo Ngô Thị S đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố Bị cáo S về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của Bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, Bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy Bị cáo S trước khi phạm tội có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội, Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo S đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly Bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn, hiện đang nuôi 02 con nhỏ, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ;

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo Sinh từ 11 đến 12 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Việt Đ là Bị hại yêu cầu Bị cáo S bồi thường số tiền: 499.999.999 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng)* Bị cáo S đã chiếm đoạt của anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu của anh Đ là có căn cứ, nên được chấp nhận. Buộc Bị cáo S phải bồi thường cho anh Đ số tiền 499.999.999 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).*

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ1 a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp

ngân sách Nhà nước công cụ phạm tội *(Tạm giữ)* của Bị cáo Sinh: 01 điện thoại Iphone 12 màu đen có gắn sim đã qua sử dụng;

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng, Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo S phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm và 24.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền Bị cáo phải bồi thường cho Bị hại là 499.999.999 đồng, theo quy định tại Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Thị S phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Thị S 11** *(Mười một)* **năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/5/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ1 a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại Iphone 12 màu đen có gắn sim đã qua sử dụng *(Có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng số: 21, ngày 24/10/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);*

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Buộc Bị cáo S phải bồi thường cho anh Nguyễn Việt Đ số tiền: 499.999.999 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Bị cáo S phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm và 24.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, B hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy